TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 340 /2022/DS-ST
Ngày: 24 - 8 - 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa : Bà Trần Thị Thu Hiệp
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Rỹ
2. Bà Thái Thục Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Sinh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 535/2018/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2022/QĐXX-ST ngày 18 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 129/2022/QĐST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 155/2022/QĐST-DS ngày 11/7/2022 và số 162/2022/QĐST-DS ngày 25/7/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Minh T, sinh năm 1984 (có mặt)
Địa chỉ: đường C, Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên hệ: đường T, Phường M, Quận H, TP.Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Huỳnh Đức T, sinh năm 1986; Địa chỉ: đường C, phường T, quận P, TP.Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền lập ngày 18/4/2022 tại Phòng công chứng Số 2 Thành phố Hồ Chí Minh).
(có mặt)

2. Bị đơn:
1/ Ông Huỳnh Minh A, sinh năm 1964 (vắng mặt)
Đăng ký NKTT: đường T, thị trấn C, huyện G, Thành phố Hồ Chí Minh;
Địa chỉ: đường D, Phường M, Quận T, TP.Hồ Chí Minh
2/ Bà Trần Mỹ P, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường D, Phường M, Quận T, TP.Hồ Chí Minh.
Chỗ ở: đường H, Phường M, Quận S, TP.Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Huỳnh Văn M, sinh năm 1922 (đã chết ngày 11/5/2020)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Văn M: Ông Huỳnh Thanh Q, sinh năm 1955; Ông Huỳnh Minh A, sinh năm 1964 (con ruột của ông Mảnh); Địa chỉ: đường T, thị trấn C, huyện G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

2/ Bà Lâm Thị Thu C, sinh năm 1977

Địa chỉ: đường D, huyện C, tỉnh S.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C: Bà Lâm Thị Thu T, sinh năm 1960 (Giấy ủy quyền lập ngày 08/3/2021 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Quang Nhuần, số 38 – đường Hùng Vương, ấp Trà Quýt A, Thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng). (vắng mặt và có đơn xin vắng mặt)

3/ Ông Trương Thanh T sinh năm 1976 (vắng mặt)

4/ Bà Lâm Thị Thu T, sinh năm 1960

Cùng địa chỉ: ấp Đắc Lực, xã Hồ Đắc Kiện, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

(vắng mặt và có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2018, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 06/8/2019, Biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 18/5/2022 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Huỳnh Minh T có người đại diện theo ủy quyền ông Huỳnh Đức T *trình bày*:

- Ngày 12/10/2014 ông T cho ông Huỳnh Minh A mượn số tiền 450.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi triệu đồng);
- Ngày 07/11/2014 ông T cho ông Huỳnh Minh A mượn số tiền 100.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng);
- Ngày 21/01/2015 ông T cho ông Huỳnh Minh A và bà Trần Mỹ P vay số tiền 600.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm triệu đồng);
- Ngày 09/02/2015 ông T cho bà Trần Mỹ P vay số tiền 400.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng);

Các lần vay mượn trên đều có làm giấy nhận tiền và giấy vay mượn. Tổng cộng số tiền đã cho ông A và bà P mượn là: 1.550.000.000 đồng.

Bà Trần Mỹ Ptrả cho ông T số tiền 200.000.000 đồng.

Kể từ ngày vay mượn đến nay, ông A và bà P chưa trả cho ông T bất kỳ khoản tiền lãi vay nào.

Trong quá trình vay mượn, để làm tin thì ông A và bà P có đưa cho ông T giữ các giấy tờ sau:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X QSDĐ/SX do UBND huyện C, Thành phố H cấp ngày 01/12/1999 đứng tên sở hữu là ông Huỳnh Văn M, sinh năm 1922 (là ba ruột của Ông Huỳnh Minh A); Địa chỉ: khu phố H, thị trấn C, huyện C,

TP.H.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H do UBND huyện M, tỉnh S cấp ngày 08/10/2007 (thuộc quyền sở hữu của bà Lâm Thị Thu C)

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H do UBND huyện Mỹ Tú, tỉnh S cấp ngày 08/10/2007 (thuộc quyền sở hữu của bà Lâm Thị Thu C).

Nguyên đơn yêu cầu khởi kiện:

+ Yêu cầu ông Huỳnh Minh A và bà Trần Mỹ P phải trả lại cho nguyên đơn số tiền vay gốc 1.350.000.000 đồng.

+ Về lãi: Nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn trả lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay cho đến khi trả hết nợ.

Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 06/8/2019, bị đơn ông Huỳnh Minh A và bà Trần Mỹ P trình bày: Ông A bà P xác nhận có vay mượn của ông Huỳnh Minh T như phía ông T trình bày là đúng. Ông A bà P đã vay mượn của ông Huỳnh Minh T số tiền tổng cộng là 1.550.000.000 (một tỷ năm trăm năm mươi triệu) đồng làm nhiều lần. Về lãi suất: Hai bên thỏa thuận bằng lời nói với nhau là 3%/tháng. Ông A bà P xin trả cho ông T hàng tháng là 30.000.000 đồng. Ông A bà P đồng ý trả lãi cho ông T theo lãi suất quy định của pháp luật. Ông A bà P xác nhận có đưa cho nguyên đơn giữ 03 bản chính giấy tờ nhà đất như nguyên đơn nêu trên và mong muốn sớm có tiền trả cho nguyên đơn để chuộc lại giấy tờ trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị Thu C - có người đại diện theo ủy quyền bà Lâm Thị Thu T trình bày: Bà T yêu cầu vợ chồng bà Trần Mỹ P và ông Huỳnh Minh A trả cho nguyên đơn ông T số tiền đã vay, để ông T trả lại Giấy tờ nhà đất cho bà và em gái của bà.

Ngày 18/5/2022 bà Lâm Thị Thu T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thanh Q, ông Trương Thanh T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ mà vẫn vắng mặt nên Tòa án không thu được lời khai cũng như không hòa giải được.

Tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 đề nghị đưa thêm vợ của nguyên đơn vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử đã ra quyết định tạm ngừng phiên tòa để cho phía nguyên đơn tiến hành thủ tục là đưa thêm người vợ vào tham gia tố tụng và bổ sung chứng cứ giấy chứng nhận kết hôn, CMND, hộ khẩu... Tuy nhiên, phía nguyên đơn không đồng ý và không bổ sung bất cứ tài liệu chứng cứ gì về vợ của nguyên đơn cho Tòa án, đồng thời nguyên đơn có gửi đơn khiếu nại về vụ việc trên cho Tòa án vào ngày 18/8/2022. Nguyên đơn cho rằng: Tòa án đã vi phạm quyền tự định đoạt của đương sự (nguyên đơn không yêu cầu Tòa án đưa vợ của nguyên đơn vào tham gia tố tụng), vượt quá yêu cầu của nguyên đơn, vượt quá thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại Điều 5, khoản 4 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và đưa người không liên quan đến vụ án vào tham gia tố tụng làm kéo dài đến việc giải quyết vụ án, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Vấn đề này, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và thực hiện trình tự tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên phía nguyên đơn không đồng ý và không bổ sung thêm người vợ của nguyên đơn vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét, đây là quyền tự định đoạt của đương sự, nếu sau này có tranh chấp thì giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu, không phải lỗi của cơ quan tiến hành tố tụng trong vụ án này nên Hội đồng xét xử chấp nhận và tiếp tục giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục chung.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Huỳnh Minh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông đồng ý trừ số tiền bị đơn đã trả 200.000.000 đồng vào lần vay đầu tiên nên số tiền vay gốc ngày 12/10/2014 còn lại là 250.000.000 đồng. Ông T đồng ý tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày vay đến khi trả dứt nợ. Khi phía bị đơn trả hết nợ thì nguyên đơn sẽ trả lại bản chính giấy tờ nhà đất nêu trên cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật; bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Ông Huỳnh Minh T yêu cầu buộc ông Huỳnh Minh A và bà Trần Mỹ Ptrả cho nguyên đơn số tiền đã vay là 1.350.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Xét, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở xem xét, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông T có trách nhiệm trả lại bản chính các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2018 của ông Huỳnh Minh T, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Do bị đơn ông Huỳnh Minh A và bà Trần Mỹ P cư trú tại Quận 8, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn có sự thay đổi nơi cư trú nhưng căn cứ theo quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Khoản 3 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án vẫn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị Thu T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Huỳnh Minh A và bà Trần Mỹ P, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thanh Q, ông Trương Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ theo qui định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông

A, bà P, ông Q, ông T.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Huỳnh Minh T yêu cầu ông Huỳnh Minh A và bà Trần Mỹ P trả số tiền đã vay tổng cộng là 1.350.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hợp đồng vay, lãi suất : Ông Huỳnh Minh T cho ông Huỳnh Minh A và bà Trần Mỹ P vay mượn nhiều lần tổng số tiền là 1.350.000.000 đồng, các lần vay này hai bên có lập giấy vay (bằng giấy viết tay ghi tiêu đề là Giấy vay tiền, Giấy nhận tiền); lãi suất vay: không có ghi; thời hạn vay: Giấy vay tiền ngày 21/01/2015 có thỏa thuận thời hạn trả là 03 tháng kể từ ngày ký vay, các giấy vay còn lại không có thỏa thuận thời hạn trả.

Xét, các bên tham gia ký kết Giấy vay tiền trên cơ sở tự nguyện, nội dung của Hợp đồng vay phù hợp với quy định tại Điều 401, Điều 402, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 và được các bên thừa nhận nên Hợp đồng vay trên được xem là hợp pháp làm phát sinh hiệu lực pháp luật.

Sau khi vay mượn, do hoàn cảnh khó khăn nên phía bị đơn ông Huỳnh Minh A và bà Trần Mỹ P đã không trả được tiền vay gốc và lãi suất (bị đơn xác nhận có thỏa thuận bằng lời nói là trả lãi suất 3%/tháng) cho nguyên đơn ông T như đã thỏa thuận nên ông T khởi kiện yêu cầu ông A bà P trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 1.350.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Xét, yêu cầu của nguyên đơn ông T là có cơ sở theo quy định tại Điều 471, Điều 474, Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005 và bị đơn ông A bà P cũng đồng ý trả nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn: Buộc ông Huỳnh Minh A và bà Trần Mỹ P có nghĩa vụ phải thanh toán cho ông Huỳnh Minh T số tiền vay gốc tổng cộng là 1.350.000.000 đồng và lãi suất tính theo quy định của pháp luật.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005: "*Lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng*". Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm; Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất thì lãi suất được tính như sau:

* Từ ngày vay đến trước ngày 01/01/2017: Lãi suất vay được điều chỉnh lại theo quy định của pháp luật tại thời điểm vay là 1,125%/tháng, tiền lãi được tính như sau:

- Giấy nhận tiền ngày 12/10/2014, số tiền vay là 450.000.000 đồng, bị đơn đã trả 200.000.000 đồng, số tiền vay gốc còn lại là 250.000.000 đồng, thời hạn vay: không có, lãi suất: không ghi. Ngày vay 12/10/2014 đến trước ngày 01/01/2017 là 26 tháng 18 ngày:

250.000.000 đ x 1,125%/tháng x 26tháng18 ngày = 74.812.500 đồng.

- Giấy nhận tiền ngày 07/11/2014, số tiền vay là 100.000.000 đồng, thời hạn vay: không có, lãi suất: không ghi. Ngày vay 07/11/2014 đến trước ngày 01/01/2017 là

25tháng 23 ngày:

100.000.000đ x 1,125%/tháng x 25tháng23ngày = 28.987.500 đồng.

- Giấy vay tiền ngày 21/01/2015, số tiền vay là 600.000.000 đồng, thời hạn vay: không có, lãi suất: không ghi. Ngày vay 21/01/2015 đến trước ngày 01/01/2017 là 23 tháng 9 ngày:

600.000.000 đ x 1,125%/tháng x 23tháng9ngày = 157.275.000 đồng.

- Giấy vay tiền ngày 09/02/2015, số tiền vay là 400.000.000 đồng, thời hạn vay: không có, lãi suất: không ghi. Ngày vay 09/02/2015 đến trước ngày 01/01/2017 là 22 tháng 21 ngày:

400.000.000 đ x 1,125%/tháng x 22tháng21ngày = 102.150.000 đồng.

Tổng số tiền lãi suất mà bị đơn phải trả tính đến trước ngày 01/01/2017 là:

74.812.500 đồng + 28.987.500đồng + 157.275.000 đồng+102.150.000 đồng = 363.225.000 đồng.

* Từ ngày 01/01/2017 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm ngày 24/8/2022 là 05 năm 07 tháng 23 ngày, căn cứ Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm c Khoản 1 Điều 2 của Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất thì lãi suất được tính như sau:

1.350.000.000 đồng x 20%/năm x 05năm07tháng 23ngày = 1.524.750.000 đồng;

* Tổng số tiền lãi suất mà bị đơn phải trả tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm ngày 24/8/2022 là:

363.225.000 đồng + 1.524.750.000 đồng = 1.887.975.000 đồng.

* Như vậy, tổng số tiền bị đơn có nghĩa vụ phải thanh toán cho nguyên đơn tổng cộng là:

1.350.000.000 đồng + 1.887.975.000 đồng = 3.237.975.000 đồng.

[2.2]Trong quá trình vay mượn, phía bị đơn ông A và bà P có đưa cho nguyên đơn giữ bản chính các giấy tờ để làm vật bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X QSDĐ/SX do UBND huyện C, Thành phố H cấp ngày 01/12/1999 đứng tên sở hữu là ông Huỳnh Văn M; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H do UBND huyện M, tỉnh S cấp ngày 08/10/2007; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H1 do UBND huyện M, tỉnh S cấp ngày 08/10/2007 đứng tên người sử dụng đất là bà Lâm Thị Thu C và Trương Thanh T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xác nhận hiện đang giữ bản chính các giấy tờ trên và chỉ đồng ý trả lại cho chủ sở hữu sau khi phía bị đơn trả hết tiền nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy, phía bị đơn ông A và bà P không phải là chủ sở hữu hợp pháp của các giấy tờ trên nên việc nguyên đơn ông T giữ bản chính các giấy tờ trên để làm vật bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ là là chưa phù hợp theo quy định tại Điều 320 của Bộ luật dân sự năm 2005; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu được nhận lại bản chính giấy tờ nhà đất trên khi Tòa án giải quyết vụ án nên nhận thấy yêu cầu trên là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận: nguyên đơn có trách nhiệm trả lại bản chính các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan.

[3] Ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

+ Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn ông Huỳnh Minh T không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

+ Bị đơn Ông Huỳnh Minh A và bà Trần Mỹ P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào các Điều 320, Điều 401, Điều 402, Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005;
- Căn cứ vào các Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2009 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);
- Căn cứ vào Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Minh T.

1.1 Buộc ông Huỳnh Minh A và bà Trần Mỹ P phải thanh toán cho ông Huỳnh Minh T tổng số tiền là 3.237.975.000 (ba tỷ, hai trăm ba mươi bảy triệu, chín trăm bảy mươi lăm) đồng (trong đó, vốn gốc: 1.350.000.000 đồng; lãi: 1.887.975.000 đồng).

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Huỳnh Minh T có đơn yêu cầu thi hành án trở đi, nếu ông Huỳnh Minh A và bà Trần Mỹ P chưa thi hành số tiền nêu trên thì phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2 Nguyên đơn có trách nhiệm trả lại bản chính các giấy tờ sau cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:

+ Trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X QSDĐ/SX do UBND huyện C, Thành phố H cấp ngày 01/12/1999 đứng tên sở hữu là ông Huỳnh Văn M, sinh năm 1922; Địa chỉ: đường T, thị trấn C, huyện G, Thành phố Hồ Chí

Minh – cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Văn M: Ông Huỳnh Thanh Q, ông Huỳnh Minh A.

+ Trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H1 do UBND huyện M, tỉnh S cấp ngày 08/10/2007 - cho bà Lâm Thị Thu C và ông Trương Thanh T.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Minh A và bà Trần Mỹ P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 96.759.500 (chín mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi chín nghìn, năm trăm) đồng.

Hoàn trả lại cho ông Huỳnh Minh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.640.000 (hai mươi tám triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0018778 ngày 14/12/2018 của Chi cục thi hành án Dân sự Quận 8.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày đương sự nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THA Dân sự Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Thu Hiệp